TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày: 30 - 01 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn

2. Ông Huỳnh Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 515/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Đường H2, phường H2, quận P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh N, địa chỉ: Khu phố R, phường V, thị xã G, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn "Văn bản ủy quyền số 23/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 12 tháng 7 năm 2017".

2. Bị đơn: Chị C, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ C, ấp D, xã F, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh H, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Ấp J, xã T, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh N có mặt tại phiên tòa. Chị C vắng mặt. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Ngân hàng Avà quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh N là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 20/12/2014, chị C có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002, phê duyệt ngày 29/12/2014 với Ngân hàng Avay số tiền 21,000,000đ (hai mươi mốt triệu đồng).

Mục đích sử dụng vốn vay: Sửa nhà

Lãi suất vay: 45.00%/năm, tức 3.75%/tháng.

Thời hạn vay: 24 tháng, tính từ ngày 29/12/2014

Hình thức đảm bảo: Không tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: Theo đó khách hàng có trách nhiệm thanh toán số tiền tổng cộng là 32,328,000 đồng (gồm tiền gốc và tiền lãi), cụ thể thanh toán trong 24 kỳ, trong đó 23 kỳ đầu mỗi tháng trả nợ 1,343,000 đồng, kỳ cuối cùng khách hàng phải trả số tiền còn lại 1,439,000 đồng. Ngày thanh toán hàng tháng: Ngày 01. Kỳ thanh toán đầu tiên được thực hiện vào ngày 01/02/2015 (kèm theo lịch trả nợ).

Sau khi ký hợp đồng, chị C đã được Ngân hàng A giải ngân số tiền 21,000,000đ (hai mươi mốt triệu đồng). Thực hiện hợp đồng, chị C đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 12,487,000 đồng (là tiền nợ gốc và tiền lãi). Kể từ sau ngày 25/6/2017 cho đến nay, chị C đã không thanh toán khoản nợ nào mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc để trả nợ. Tính đến ngày 30/01/2018, chị C còn nợ của Ngân hàng A số tiền 19,841,000 đồng, trong đó nợ gốc: 14,251,802 đồng và tiền lãi: 5,589,198 đồng. Ngân hàng Ayêu cầu chị C có trách nhiệm trả ngay một lần đối với số tiền nợ trên.

Bị đơn chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng phía chị C vẫn không có mặt tại Tòa án để tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không có lời khai của chị C tại Tòa án.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H trình bày: Anh H và chị C là vợ chồng, việc chị C có ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng Asố tiền 21,000,000 đồng thì anh H không hề hay biết cũng như không biết chị C vay với mục đích gì, vì vậy chị C sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A, anh H không có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng Alà có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Asố tiền 19,841,000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng A và chị C có giao kết Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002 ngày 20/12/2014, phê duyệt ngày 29/12/2014, vì vậy có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là ‘‘Tranh chấp hợp đồng tín dụng’’. Xét thấy bị đơn có nơi cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thời hiệu:* Xét Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002 ngày 20/12/2014, phê duyệt ngày 29/12/2014, nội dung các bên thỏa thuận thời hạn vay là 24 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi được thực hiện làm 24 kỳ, kỳ thanh toán đầu tiên thực hiện vào ngày 01/02/2015. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A cho rằng, quá trình thực hiện hợp đồng chị C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi. Theo điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 thì *“Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: d) Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này”*. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”,* Ngân hàng A gửi đơn khởi kiện tại Tòa án ngày 12/7/2017 nên thời hiệu khởi kiện của Ngân hàng A vẫn còn.

[3] *Về tố tụng:* Chị C (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Anh H (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không có yêu cầu độc lập) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C và anh H.

Xét thấy vụ án này Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ. Căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[4] Xét thấy Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002 ngày 20/12/2014, phê duyệt ngày 29/12/2014 được các bên giao kết tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *“Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy*

định như sau: c) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết". Theo khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì*"Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó"*. Như vậy, khi giải quyết vụ án này cần phải áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Việc áp dụng về thời hiệu sẽ được áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 để giải quyết cho phù hợp.

[5] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100233583, đăng ký lần đầu: Ngày 08 tháng 9 năm 1993 và đăng ký lần cuối cùng: Ngày 31 tháng 3 năm 2017 thì Ngân hàng Alà tổ chức tín dụng. Ngân hàng Avà chị C đã giao kết hợp đồng tín dụng (Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002 ngày 20/12/2014, phê duyệt ngày 29/12/2014). Hợp đồng được các bên xác định là tự nguyện thỏa thuận, ký kết phù hợp với quy định tại Điều 389 của Bộ luật Dân sự 2005. Hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự 2005. Về nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Ngân hàng A nên được xác định là hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc chị C trả số tiền nợ gốc 14,251,802đ (mười bốn triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm lẻ hai) đồng. Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ gốc 14,251,802 đồng còn nợ sau khi giao kết Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002 ngày 20/12/2014, phê duyệt ngày 29/12/2014 cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A khoản nợ gốc 14,251,802 đồng theo thỏa thuận của các bên tại điểm 3 Mục IV Phần B Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002 ngày 20/12/2014 và các điểm 6, 7 phần Phê duyệt ngày 29/12/2014; vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 1, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, vì vậy nguyên đơn có quyền thu hồi nợ đối với khoản nợ gốc này, do đó việc nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 14,251,802đ (mười bốn triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm lẻ hai) đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[7] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 5,589,198đ (năm triệu năm trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi tám) đồng. Xét Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002 ngày 20/12/2014, phê duyệt ngày 29/12/2014, giữa các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 45.00%/năm, tức 3.75%/tháng, xét

thỏa thuận về lãi suất của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền chị C phải thanh toán trả cho Ngân hàng Alà 19,841,000đ (mười chín triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn) đồng. Xét số tiền nợ này, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn đã lâu, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, việc nguyên đơn yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

[8] Đối với anh H là chồng của chị C. Xét Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002 ngày 20/12/2014, phê duyệt ngày 29/12/2014 thể hiện chỉ có một mình cá nhân chị C ký xác nhận vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, quá trình giải quyết vụ án anh H đã có lời khai không thừa nhận đây là nợ chung. Mặt khác, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu chị C trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu anh H có nghĩa vụ liên đới cùng với chị C trả số tiền 19,841,000đ (mười chín triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn) đồng, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến nghĩa vụ liên đới đối với anh H.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm chị C phải chịu là 992,050đ (chín trăm chín mươi hai nghìn không trăm năm mươi) đồng.

Ngân hàng Ađược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 506,025đ (năm trăm lẻ sáu nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0001116 ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 290; 389; 401 và 405 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào Điều 429 và các điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A.

1.1. Chấm dứt Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002 ngày 20/12/2014, phê duyệt ngày 29/12/2014 giữa Ngân hàng Avà chị C.

1.2. Buộc chị C có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng A số tiền nợ gốc: 14,251,802đ (mười bốn triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm lẻ hai) đồng và khoản tiền lãi: 5,589,198đ (năm triệu năm trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi tám) đồng; tổng cộng là 19,841,000đ (mười chín triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn) đồng phát sinh từ Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141226-100206-0002 ngày 20/12/2014, phê duyệt ngày 29/12/2014.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay (chị C) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Chị C phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 992,050đ (chín trăm chín mươi hai nghìn không trăm năm mươi) đồng. Chị C chưa nộp án phí.

2.2. Ngân hàng Ađược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 506,025đ (năm trăm lẻ sáu nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0001116 ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính